TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày 13-01-2026
V/v Ly hôn
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trường.

2. Bà Lê Trường An.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa – Thư ký tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 547/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Ngọc T, sinh năm 1983; CCCD 096183014712, cấp ngày 14/8/2021; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1985; CCCD 096085016193, cấp ngày 21/8/2021; địa chỉ: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Phan Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T1 sống chung năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K (K trước đây), tỉnh Cà Mau năm 2007, hiện tại anh chị không còn sống chung với nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 01 người con chung, cháu Trần Chí K sinh ngày 27 tháng 3 năm 2008 hiện đang sống cùng anh T1. Chị yêu cầu giao con chung cho anh T1

trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng con, yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thoả thuận với anh T1 không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn anh Trần Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, hôn nhân do anh tự nguyện lựa chọn, anh không đồng ý ly hôn với chị T. Anh xác định hiện vẫn còn tình cảm với chị, mong muốn được hàng gắn quan hệ vợ chồng để cùng nhau lo cho con, mâu thuẫn vợ chồng là không lớn và anh có thể sửa đổi.

Về con chung: Anh và chị T có một người con chung Trần Chí K sinh ngày 27 tháng 3 năm 2008 hiện đang sống cùng anh, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định anh sẽ tự thỏa thuận với chị T, không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu có phát sinh tranh chấp anh sẽ khởi kiện trong một vụ án khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 10/5/2007 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T1 và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Anh T1 không đồng ý ly hôn với nguyên đơn mong muốn hàng gắn quan hệ vợ chồng, tuy nhiên anh không trình bày được biên pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng cũng như không thuyết phục được chị T từ bỏ yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa, chị T xác định, nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung Trần Chí K sinh ngày 27 tháng 3 năm 2008 hiện đang sống cùng anh T1, anh chị thống nhất giao con chung

cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của mỗi người cũng như sự phù hợp cho phát triển của con để quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 hiện là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và anh chị đều thống nhất giao con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, toà có ghi nhận nguyện vọng của cháu K và cháu có mong muốn được sống cùng anh T1, do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu cho anh Trí tục nuôi dưỡng là phù hợp với sự phát triển của cháu, nguyên vọng các bên và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị T, đây là ý chí tự nguyện của anh nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 thống nhất xác định tự thõa thuận với nhau về tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết, không có nợ chung, do đó nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Ngọc T và anh Trần Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Trần Chí K sinh ngày 27 tháng 3 năm 2008 cho anh Trần Văn T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện cháu K đang ở với anh Trần Văn T1. Chị Phan Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phan Ngọc T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh Trần Văn T1. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phan Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006633 ngày 17 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà mau;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Hưng (số ĐKKH58/2007);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp